

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 27/TTC-BH/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: [+84-276] 375 3250

Fax: [+84-276] 383 9834

Email: thongtin.ttes@ttesugar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG THÔ**

2. Thành phần: Đường mía

3. Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Đường thô được chứa trong bao jumbo
- Khối lượng tịnh mỗi bao là 1000 kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ:

- Sản xuất tại: Kasekam Youveakchun Svayrieng Co., Ltd
- Địa chỉ: Ou Kook Village, Ou Kreang Commune, Sambor District, Kratie Province, Cambodia

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm nhập khẩu và chất lượng hàng hóa:

Tên công ty nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì	mg/kg, không lớn hơn	0,5

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg, không lớn hơn	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg, không lớn hơn	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg, không lớn hơn	1

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g, không lớn hơn	10 000
2	Coliforms	CFU/g, không lớn hơn	100
3	E. coli	MPN/g, không lớn hơn	3
4	Staphylococcus aureus	CFU/g, không lớn hơn	100
5	Salmonella spp./ 25g		Không có
6	Tổng số bào tử nấm men – mốc	CFU/g, không lớn hơn	100

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	2, 4 – D	mg/kg, không lớn hơn	0,05
2	Aldicarb	mg/kg, không lớn hơn	0,1
3	Azinphos – Methyl	mg/kg, không lớn hơn	0,2
4	Carbofuran	mg/kg, không lớn hơn	0,1
5	Chlorantraniliprole	mg/kg, không lớn hơn	0,5
6	Clothianidin	mg/kg, không lớn hơn	0,4
7	Cyhalothrin	mg/kg, không lớn hơn	0,05
8	Cypermethrins	mg/kg, không lớn hơn	0,2
9	Dicamba	mg/kg, không lớn hơn	1
10	Ethoprophos	mg/kg, không lớn hơn	0,02

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
11	Glyphosate	mg/kg, không lớn hơn	2
12	Imazapic	mg/kg, không lớn hơn	0,01
13	Isoxaflutole	mg/kg, không lớn hơn	0,01
14	Mesotrione	mg/kg, không lớn hơn	0,01
15	Novaluron	mg/kg, không lớn hơn	0,5
16	Propiconazole	mg/kg, không lớn hơn	0,02
17	Tebufenozide	mg/kg, không lớn hơn	1
18	Trinexapac - ethyl	mg/kg, không lớn hơn	0,5

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Nhãn hàng hóa.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể màu vàng nâu đến nâu, kích thước tương đối đồng đều, tơi khô.
- Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể màu vàng nâu đến nâu.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%, không nhỏ hơn	98,5
2	Độ ẩm	%, không lớn hơn	0,5
3	Độ màu	ICUMSA, nhỏ hơn	2000

V. Hướng dẫn bảo quản và hướng dẫn sử dụng:

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
- Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tây Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Lê Đức Còn

KT3-06480ATP1/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/11/2021
 Page 01/04

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG THƠ
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
 Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
Sample description
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 10/11/2021
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 11/11/2021 – 18/11/2021
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
 Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Customer
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02-04/04*
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-06480ATP1/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/11/2021
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Cảm quan ^(*) / <i>Sensory</i>	QTTN/KT3 234 : 2019	-	
Ngoại quan / <i>Appearance</i>		-	Tinh thể màu vàng nâu, kích thước tương đối đồng đều, hơi khô, không vón cục/ <i>Brownish yellow crystals, equal size, dry, no curdle</i>
Màu sắc / <i>Colour</i>		-	Tinh thể màu vàng nâu, khi pha vào nước cất cho dung dịch tương đối trong / <i>Brownish yellow crystals, clear solution when adder water</i>
Mùi vị / <i>Odour & taste</i>		-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ <i>Crystal sugar or solution of sugar in water have sweet taste, free from foreign odor & taste</i>
7.2. Độ Pol ở 20°C <i>Polarization at 20°C</i>	GS 1/2/3/9- 1 (2011) ICUMSA	-	99,0
7.3. Độ màu / <i>Colour</i> , IU	GS1/3-7 (2011) ICUMSA	-	1,72 x 10 ³
7.4. Độ ẩm, <i>Moisture content</i> g/100 g	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	0,44

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-06480ATP1/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2021

Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.5. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	1,50 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng aflatoxin B1, Aflatoxin B1 content	µg/kg TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content	µg/kg TCVN 7596 : 2007		
• B1		0,75	Không phát hiện Not detected
• B2		0,75	Không phát hiện Not detected
• G1		0,75	Không phát hiện Not detected
• G2		0,75	Không phát hiện Not detected
7.11. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Total aerobic plate count	CFU/g ISO 4833-1:2013	-	2,5 x 10 ¹
7.12. Tổng số nấm men & nấm mốc, Total yeasts & moulds	CFU/g ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.13. Coliform,	CFU/g ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-06480ATP1/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

18/11/2021
Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.14. Coliform, MPN/g	ISO 4831:2006	-	0
7.15. <i>E. Coli</i> , MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-	0
7.16. <i>E.Coli</i> , CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.17. <i>Salmonella</i> spp./ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.18. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.19. <i>Staphylococcus aureus</i> , MPN/g	AOAC 2016 (987.09)	-	Nhỏ hơn 3 ⁽²⁾ <i>Less than</i>
7.20. Thử nghiệm GMO/ GMO Testing Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen trnL (tRNA – Leu gene) <i>Detection of plant DNA based on trnL gene (tRNA – Leu gene)</i>	QTTN/KT3 133 : 2016 Real time PCR	10 copies	Phát hiện <i>Detected</i>
7.21. Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc <i>Detection of GMO by screening method</i>			
• Promoter CaMV 35S	QTTN/KT3 108 : 2014 – Amd 01: 2017 ⁽³⁾ Real time PCR	0,01%	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Terminator NOS	QTTN/KT3 109 : 2014 Amd 01: 2017 ⁽⁴⁾ Real time PCR	0,01 %	Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú/ Notes: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 3 MPN/g khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp/ *According to the test method, the result is expressed as less than 3 MPN/g when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.*

(3) Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis
QT - ELE - 00 - 004

(4) Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis
QL - ELE - 00 – 011

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*



VILAS 237

Report N°: 2111160A41



SGS

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: November 16, 2021

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 16/11/2021

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL21-18323-1

Đơn hàng: FDL21-18323-1

CLIENT'S NAME : THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THANH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒACLIENT'S ADDRESS : TAN HUNG COMMUNE, TAN CHAU DISTRICT, TAY NINH PROVINCE,
VIET NAM

Địa chỉ : XÃ TÂN HƯNG, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : SUGAR

Mô tả mẫu : Đường

Number of sample : 01 sample

Số lượng mẫu : 01 mẫu

Sample characterisation/ condition : Sample (approx. 1kg) in plastic bag

Tình trạng mẫu : Mẫu (khoảng 1kg) chứa trong túi nhựa

Client's reference : ĐƯỜNG THÔ

Chú thích của khách hàng

Date sample(s) received : November 10, 2021

Ngày nhận mẫu : 10/11/2021

Testing period : November 10 – November 16, 2021

Thời gian thử nghiệm : 10/11/2021 – 16/11/2021

Test requested : As applicant's requirement

Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result : Please refer to the next page(s)

Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam**Can Tho Laboratory:** Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ,
Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnamt(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vnThis document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at

<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>.



DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	Limit (#) Giới hạn cho phép	Unit Đơn vị
1. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb, aldicarb sulfoxide và aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i>	0,1	mg/kg
Aldicarb <i>Aldicarb</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	-	mg/kg
Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	-	mg/kg
Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	-	mg/kg
2. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0,2	mg/kg
3. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran được sinh ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và carbofuran-3-OH quy về carbofuran)</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	mg/kg
Carbofuran <i>Carbofuran</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.0003	-	mg/kg
Carbofuran-3-OH <i>Carbofuran-3-OH</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.0003	-	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticatteeCertificate.jsp>.



Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Limit ^(#) <i>Giới hạn cho phép</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
4. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.5	mg/kg
5. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.4	mg/kg
6. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.05	mg/kg
7. Cypermethrin (sum of isomers) <i>Cypermethrin (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.2	mg/kg
8. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.02	mg/kg
9. Isoxaflutole (sum of isoxaflutole and its diketonitrile-metabolite RPA 202248, expressed as isoxaflutole) <i>Isoxaflutole (tổng của isoxaflutole và its diketonitrile-metabolite RPA 202248, quy về isoxaflutole)</i>	EN 15662:2018 ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	mg/kg
Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>	EN 15662:2018 ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	-	mg/kg
Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248 <i>Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248</i>	EN 15662:2018 ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	-	mg/kg
10. Mesotrione <i>Mesotrione</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	0.01	mg/kg
11. Novaluron <i>Novaluron</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.5	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ,
Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgs.site.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Limit ^(#) <i>Giới hạn cho phép</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
12. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng của các đồng phân)</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.02	mg/kg
13. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	1	mg/kg
14. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng của 2,4-D, bao gồm muối, ester và các dạng liên kết của nó, quy về 2,4-D)</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.05	mg/kg
15. Dicamba <i>Dicamba</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	1	mg/kg
16. Imazapic <i>Imazapic</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.01	mg/kg
17. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axít), dạng muối và ester của nó, quy về trinexapac)</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	0.5	mg/kg
18. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	2	mg/kg

Note/Ghi chú:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*

- ^(#) According to Circular 50/2016/TT-BYT (sugarcane)/ *Dựa theo Thông tư 50/2016/TT-BYT (mía)*

- When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ"; except for metal analytes that are reported as "Not detected". If the quantifiable result was calculated from sum of individual analytes, it was done without single values below LOQ taken into account.

Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là "< LOQ"; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả sẽ được thể hiện là "Không phát hiện". Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện không bao gồm các giá trị đơn lẻ nhỏ hơn giới hạn định lượng.

- Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item/ *Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng*
- The method(s) remarked with an asterisk (*) is (are) not currently within the ISO 17025 accreditation scope and the test(s) remarked with two asterisks (**) was (were) performed by subcontractor(s) that was (were) mentioned in the parentheses after the method

Phương pháp được đánh dấu một sao () chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025 và phép thử đánh dấu hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập tương ứng trong dấu ngoặc đơn ngay sau phương pháp*

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 ((84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH
SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
*Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu
không có thông báo đặc biệt khác*

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ,
Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgs.site.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Số: 43/2022/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh địa chỉ cơ sở sản xuất

Tây Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 02 năm 2018;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa có công bố sản phẩm ĐƯỜNG THÔ theo bản tự công bố sản phẩm số 27/TTC-BH/2021. Sản phẩm này được sản xuất tại Campuchia. Tuy nhiên, để thống nhất địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm tại Campuchia theo phiên âm tiếng Anh trên hệ thống cấp C/O (Certificate of Origin) của Bộ Thương Mại Campuchia, Công ty chúng tôi xin điều chỉnh nội dung trong bản tự công bố sản phẩm số 27/TTC-BH/2021, cụ thể như sau:

STT	Số hồ sơ	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
01	27/TTC-BH/2021	5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm	5.1 Xuất xứ: • Sản xuất tại: Kasekam Youveakchun Svayrieng Co., Ltd • Địa chỉ: Ou Kook Village, Ou Kreang Commune, Sambor District, Kratie Province, Cambodia	5.1 Xuất xứ: • Sản xuất tại: Kasekam Youveakchun Svay Rieng Co., Ltd. • Địa chỉ: Phum Ou Kak, Khum Ou Krieng, Srok Sambour, Kratie Province, Cambodia	Bản tự công bố sản phẩm và Nhãn phụ

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục để nắm tình hình.

Trân trọng,



LÊ ĐỨC TÒN

Nơi đến:

- Như trên.

- Lưu P. QHSE



100 mm

65 mm

Sản Phẩm: ĐƯỜNG THÔ

Thành phần: Đường Mía
Saccharose không nhỏ hơn: 98,5 %
Khối lượng tịnh: 1000 kg

Ngày sản xuất: Xem MFG trên bao bì
Hạn sử dụng: Xem EXP trên bao bì
Xuất xứ hàng hóa: Cambodia

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Nhập khẩu bởi:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA**

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Sản xuất tại:

**KASEKAM YOUVEAKCHUN
SVAY RIENG CO., LTD**

Phum Ou Kak, Khum Ou Krieng,
Srok Sambour, Kratie Province,
Cambodia.

Số: 100/2023/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm

Tây Ninh, ngày 03 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến Hồ sơ tự công bố sản phẩm trên Bản tự công bố sản phẩm như sau:

STT	Số tự công bố	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
01	27/TTC-BH/2021 28/TTC-BH/2022		I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm	I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm
02	29/TTC-BH/2022	Email	thongtin.tcs@tcsugar.com.vn	thongtin.tcs@ttcagris.com.vn
03	30/TTC-BH/2023 31/TTC-BH/2023	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm		
		2. Thông tư của các Bộ, ngành:	(Chưa có)	Bổ sung Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
04	27/TTC-BH/2021 28/TTC-BH/2022 29/TTC-BH/2022	Fax	[+84-276] 383 9834	(Hủy bỏ)

Trân trọng.

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE



Lê Đức Tôn

Số: 144/2024/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm
Đường thô

Tây Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định 32/2003/QĐ-BKHCN ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Khoa Học và Công Nghệ ban hành;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến sản phẩm Đường thô (số tự công bố: 27/TTC-BH/2021) trên bản tự công bố sản phẩm như sau:

STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
1	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm 2. Thông tư của các Bộ, ngành	Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	(Bãi bỏ theo Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 v/v Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành)

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục v/v điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm Đường thô theo nội dung như trên.

Trân trọng.

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE



Nguyễn Thị Châu Tiên